

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29-12-2025

V/v: “Ly hôn giữa anh Hưng và chị Tâm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phú H, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Thôn E, xã P, tỉnh Ninh Bình;

Số CCCD: 036077003630; cấp ngày 12-02-2023; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trương Thị Thanh T, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Thôn E, xã P, tỉnh Ninh Bình;

Số CCCD: 019176015630; cấp ngày 09-09-2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai; nguyên đơn anh Nguyễn Phú H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (Nay là

xã P, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 31 tháng 8 năm 2022. Quá trình chung sống, vợ chồng anh đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống, cách cư xử với nhau và không còn tìm được tiếng nói chung. Dù đã nhiều lần được gia đình hai bên cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Đến khoảng tháng 6-2025, chị T đã làm thủ tục chuyển trường cho con riêng của chị T, rồi tự ý bỏ đi, chặn mọi phương tiện liên lạc với anh, cố tình giấu địa chỉ, không cho anh biết. Anh và chị T đã sống ly thân với nhau từ tháng 06 năm 2025 cho đến nay. Nay, anh xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Thị Thanh T.

- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T không có.

* Đối với bị đơn là chị Trương Thị Thanh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

* Tại Công văn số 271 ngày 30-10-2025 và tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 05-11-2025, Công an xã P và Ủy ban nhân dân xã P cung cấp như sau: Qua tra cứu thông tin trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay của chị T là thôn E, xã P, tỉnh Ninh Bình. Chị T đi khỏi nhà anh H vào thời gian nào thì địa phương không biết được. Vì khi đi, chị T không thông báo việc thay đổi nơi cư trú và cũng không làm thủ tục tạm vắng, tạm trú theo quy định nên Ủy ban nhân dân xã P, Công an xã P và Trưởng thôn 5 không thu thập được thông tin về nơi ở mới của chị T. Nay anh H làm đơn xin ly hôn với chị T, chính quyền địa phương đề nghị Toà án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Do chị T không có mặt tại địa phương nên Ủy ban nhân dân xã P cùng với Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P và tại công nhà vợ, chồng anh H, chị T theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phú H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Phú H và chị Trương Thị Thanh T.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Phú H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bị đơn chị Trương Thị Thanh T có hộ khẩu thường trú tại thôn E, xã P, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Phú H và chị Trương Thị Thanh T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Ninh Bình theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh H và chị T không hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, anh H và chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh H được ly hôn với chị T.

[3]. Về con chung: Không có.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có. Chị T vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, nợ chung; do vậy về tài sản chung, nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Anh H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: A và chị T có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho anh Nguyễn Phú H ly hôn chị Trương Thị Thanh T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phú H phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0001405 ngày 08 tháng 10 năm 2025. Như vậy, anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Phú H và chị Trương Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Phong Doanh, tỉnh Ninh Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam

